



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Trụ sở chính: Tầng 8, số 2A Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Giấy CNDKDN số: 0102116483 do Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội cấp
lần đầu ngày 19/12/2006

Số: 08/2022/CBTT-CASC

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô ("CASC")**.
 - Mã chứng khoán:
 - Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ: 1900633059 Fax: 024.5771741
 - Email: ckthudo@casc.vn
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2021.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/02/2022 tại đường dẫn: www.casc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2022.

ĐẠI DIỆN CASC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn An

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thu Đô (CASC);
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102116483 do Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/12/2006;
- Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số: 31/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 21/12/2006;
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 300.000.000.000 đồng;
- Trụ sở chính: Tầng 8 - Tòa nhà 2A Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- Điện thoại: 1900633059
- Fax: (84 - 24) 3.577.1741
- Website: <http://casc.vn>
- Quá trình hình thành và phát triển:

- | | |
|---------------------------------|---|
| Năm 2006 | <ul style="list-style-type: none">▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thu Đô được thành lập và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.▪ Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 60.000.000.000 đồng. |
| Năm 2008 | <ul style="list-style-type: none">▪ Công ty tăng vốn điều lệ lên 75.736.670.000 đồng. |
| Từ năm 2009 đến năm 2019 | <ul style="list-style-type: none">▪ Do thay đổi định hướng kinh doanh, Công ty được UBCKNN chấp thuận về việc thay đổi nghiệp vụ kinh doanh: Rút bớt nghiệp vụ môi giới, bảo lãnh phát hành và tự doanh chứng khoán. |
| Năm 2020 | <ul style="list-style-type: none">▪ Công ty tăng vốn điều lệ lên 151.473.340.000 đồng.▪ Công ty thực hiện tái cấu trúc toàn diện nhằm khôi phục lại hoạt động kinh doanh.▪ Công ty được UBCKNN chấp thuận rút ra khỏi tình trạng bị kiểm soát kể từ ngày 13/11/2020.▪ Công ty tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng. |
| Năm 2021 | <ul style="list-style-type: none">▪ Được chấp thuận cấp phép triển khai các nghiệp vụ kinh doanh: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.▪ Trở thành thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.▪ Trở thành thành viên lưu ký của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. |

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội.



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị công ty:
 - ✓ Đại hội đồng cổ đông;
 - ✓ Hội đồng quản trị;
 - ✓ Ban Kiểm soát;
 - ✓ Tổng Giám đốc.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Tổng Giám đốc và (các) Phó Tổng Giám đốc.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

CASC được định hướng phát triển thành một định chế tài chính hàng đầu trong hoạt động theo mô hình ngân hàng đầu tư với trọng tâm là hoạt động Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp với sứ mệnh sát cánh cùng nhà đầu tư, trở thành đối tác tin cậy, luôn đồng hành với thành công của khách hàng, mang đến những sản phẩm và dịch vụ chuyên nghiệp nhằm tối ưu hóa giá trị đầu tư cho khách hàng.

5. Các rủi ro:

- Rủi ro thị trường: Thanh khoản của thị trường là yếu tố tác động chủ yếu đến hoạt động của thị trường, thanh khoản không ổn định do nhiều nguyên nhân tuy nhiên các biến động mạnh lại rơi vào từng thời điểm khác nhau nên rủi ro thị trường là rủi ro không ổn định ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Rủi ro hoạt động: Rủi ro do phần mềm, giao dịch trực tuyến, đường truyền, rủi ro do tác động của con người rủi ro này có thể gây thiệt hại về tài chính cho Công ty và mất uy tín với khách hàng.
- Rủi ro tuân thủ: Là rủi ro do không thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật và quy chế quy trình của Công ty, để hạn chế rủi ro này Công ty đã chú trọng công tác kiểm soát ngay từ khi soạn thảo các quy trình và thực hiện tại tất cả các phòng ban.
- Rủi ro thanh toán: Là rủi ro khi Công ty không có đủ tiền để thanh toán cho khách hàng, Công ty đã kiểm soát tốt vấn đề rủi ro này.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện hoạt động kinh doanh của Công ty, các kết quả đạt được trong năm 2021 như sau:

- Mọi hoạt động của Công ty đều triển khai theo nguyên tắc an toàn, cẩn trọng, bảo toàn vốn;
- Đã được UBCKNN cấp phép bổ sung nghiệp vụ Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Đã được UBCKNN chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ;
- Đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam chấp thuận trở thành thành viên lưu ký;
- Đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận trở thành thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch;
- Hoàn tất việc hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật cho Chi nhánh Sài Gòn và chờ UBCKNN cấp phép thành lập.

Bên cạnh việc tái cấu trúc về pháp lý, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh với kết quả tăng trưởng đáng ghi nhận cả về quy mô và chất lượng. Tính đến hết năm 2021, tổng tài sản CASC đạt trên 347 tỷ đồng (tăng trên 179,8% so với năm 2020), lợi nhuận trước thuế đạt trên 10,1 tỷ đồng (tăng trên 140,9% so với năm 2020), đạt trên 100% kế hoạch lợi nhuận trước thuế mà ĐHCĐ giao, vốn chủ sở hữu đạt trên 313 tỷ đồng (tăng 179,2% so với năm 2020). Công ty cũng đã thực hiện xóa lỗ lũy kế tính đến thời điểm 30/6/2021 theo nghị quyết của ĐHCĐ.

2. Tổ chức và nhân sự:

a) Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông: Nguyễn Văn An	Tổng Giám đốc
2	Ông: Nguyễn Đình Ngón	Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn
3	Bà: Phan Thị Hoài Thu	Kế toán trưởng

b) Lý lịch tóm tắt và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:

Tổng Giám đốc:	NGUYỄN VĂN AN
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	10/06/1984
Nơi sinh:	Nam Định.
CMND/CCCD:	036084026225
Quốc tịch:	Việt Nam.
Dân tộc:	Kinh.
Quê quán:	Nam Định.
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	1900633059
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:	0%
Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn:	NGUYỄN ĐÌNH NGÔN
Giới tính:	Nam.
Ngày tháng năm sinh:	20/06/1977
Nơi sinh:	Tp. Hồ Chí Minh.
CMND/CCCD:	079077011529
Quốc tịch:	Việt Nam.
Dân tộc:	Kinh.
Quê quán:	Quảng Nam
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	1900633059
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:	26,594%
Kế toán trưởng:	PHAN THỊ HOÀI THU
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	24/02/1980
Nơi sinh:	Hà Nam.
CMND/CCCD:	070563952
Quốc tịch:	Việt Nam.
Dân tộc:	Kinh.
Quê quán:	Tuyên Quang.
Số điện thoại liên lạc ở cơ quan:	1900633059
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân.
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành:	0%

c) Những thay đổi trong Ban điều hành:

31
ÔNG
Ô P
NG
THỦ
HUNG

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông: Nguyễn Văn An – Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/4/2021.
2	Ông: Nguyễn Như Tình – Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/8/2017. Miễn nhiệm ngày 13/4/2021.
3	Ông: Nguyễn Đình Ngôn – Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn	Bổ nhiệm ngày 01/10/2021.

d) Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến thời điểm 31/12/2021, tổng số nhân viên của CASC là 36 người, trong đó:

Trình độ	Số lượng người	Tỷ lệ %
Dại học và trên đại học	48	100%
Cao đẳng	0	0%
Trung cấp	0	0%
Lao động khác	0	0%
Tổng số	48	100%

e) Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty luôn đặt nhân viên là trọng tâm trong chiến lược phát triển, người lao động luôn được hưởng những lợi ích tốt nhất. Trong năm Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng lương cho CBNV để phù hợp với thị trường, năng lực và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Đồng	124.346.999.373	347.241.390.895	179,25%
Doanh thu thuần	Đồng	62.817.408.675	212.912.379.553	238,94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	3.976.828.527	8.812.694.148	121,60%
Lợi nhuận khác	Đồng	231.415.357	1.328.214.696	473,95%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4.208.243.884	10.140.908.844	140,98%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.592.654.568	8.035.700.386	123,67%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	0%	0%	

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	9,76	10,06
Hệ số thanh toán nhanh = (TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	9,76	10,06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
Hệ số nợ/Tổng số tài sản	0,10	0,10
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,11
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,51	0,61
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,04

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	0,03	0,03
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,02
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0,06	0,04

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- (i) Tổng số cổ phần: 30.000.000 cổ phần, trong đó:
 - Cổ phần phổ thông: 30.000.000 cổ phần;
 - Cổ phần ưu đãi khác: 0 cổ phần.
- (ii) Số cổ phần được chuyển nhượng tự do: 30.000.000 cổ phần.
- (iii) Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 30.000.000 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu
1	Cổ đông lớn	27.319.200	91,07
1.1	Cá nhân	16.064.601	53,55
1.2	Tổ chức	11.254.599	37,52
2	Cổ đông nhỏ	2.680.800	8,93
2.1	Cá nhân	2.680.800	8,93
2.2	Tổ chức	-	-
	Tổng cộng	30.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm Công ty thực hiện phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số 01/2021/NQ-DHĐCD ngày 09/02/2021.
- Thời gian thực hiện từ ngày: 09/04/2021 đến ngày 06/05/2021.
- Vốn điều lệ trước khi thay đổi: 151.473.340.000 đồng.
- Vốn điều lệ sau khi thay đổi: 300.000.000.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không phát sinh.

e) Các chứng khoán khác:

Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không vi phạm.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không vi phạm.

b) Chính sách liên quan đến người lao động.

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Tính đến ngày 31/12/2021, Công ty có 48 nhân viên.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: CASC luôn đặt nhân viên là trọng tâm trong chiến lược phát triển, người lao động luôn được hưởng những lợi ích tốt nhất.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Công ty tiến hành đào tạo thường xuyên theo hình thức đào tạo trực tiếp.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Các nhân viên luôn được đào tạo các kỹ năng mềm, kỹ năng xử lý vấn đề và cập nhật các sản phẩm, chính sách mới thường xuyên.

d) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện góp ủng hộ phòng chống dịch Covid với số tiền là 50.000.000 đồng.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2021, Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện hoạt động kinh doanh của Công ty với các kết quả đạt được như: Đã được cấp phép bổ sung nghiệp vụ Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ; Trở thành thành viên lưu ký của VSD; Trở thành thành viên giao dịch thị trường niêm yết và đăng ký giao dịch của HNX...;

Bên cạnh việc tái cấu trúc về pháp lý, Công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh với kết quả tăng trưởng đáng ghi nhận cả về quy mô và chất lượng. Tính đến hết năm 2021, tổng tài sản CASC đạt trên 347 tỷ đồng (tăng trên 179,8% so với năm 2020), lợi nhuận trước thuế đạt trên 10,1 tỷ đồng (tăng trên 140,9% so với năm 2020), đạt trên 100% kế hoạch lợi nhuận trước thuế mà ĐHĐCĐ giao, vốn chủ sở hữu đạt trên 313 tỷ đồng (tăng 179,2% so với năm 2020). Công ty cũng đã thực hiện xóa lỗ lũy kế tính đến thời điểm 30/6/2021 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Đầu năm	Cuối năm	Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Đồng	118.139.680.317	340.620.992.129	188,32%
Tài sản dài hạn	Đồng	6.207.319.056	6.620.398.766	6,65%
Tổng tài sản	Đồng	124.346.999.373	347.241.390.895	179,25%
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	Đồng	9.452.395.000	746.582	-99,99%

Tổng tài sản cuối năm của Công ty tăng 188,32% so với đầu năm do trong năm Công ty thực hiện tăng vốn và kết quả kinh doanh khả quan nên nguồn vốn lưu động tăng. Công ty không có nợ phải thu quá hạn.

b) Tình hình nợ phải trả:

Trong năm, Công ty không phát sinh khoản vay của các tổ chức tín dụng. Các khoản nợ phải trả tổng cộng hơn 33,8 tỷ đồng là các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán. Các khoản nợ này chiếm một phần nhỏ trên vốn chủ sở hữu của Công ty, nên Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán nợ khi đến hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty luôn chủ động điều chỉnh chính sách kinh doanh phù hợp với từng sản phẩm, từng đối tượng khách hàng, qua đó giúp tăng mạnh doanh thu hoạt động kinh doanh năm 2021.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Bước sang năm 2022, CASC tiếp tục đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc toàn diện với các mục tiêu lớn, trọng tâm:

- (i) Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được UBCKNN cho phép;
- (ii) Được chấp thuận làm thành viên của các Sở GDCK Việt Nam và Sở GDCK Tp.HCM;
- (iii) Thành lập Chi nhánh Sài Gòn;
- (iv) Đẩy mạnh tất cả các hoạt động kinh doanh được phép thực hiện.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Kết quả của quá trình tái cấu trúc toàn diện và kết quả hoạt động kinh doanh của CASC đạt được trong năm 2021 là nỗ lực rất lớn Ban Điều hành và của tập thể CBNV CASC. CASC đã tập trung nâng cao năng lực quản trị điều hành, tăng cường công tác quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động và nâng cao năng lực tài chính. Kết quả đạt được này có vai trò rất lớn của những chỉ đạo, các quyết sách liên tục và đúng thời điểm của các thành viên Hội đồng quản trị. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã nhóm họp thường xuyên với 35 cuộc họp để phê duyệt các đề xuất của Ban Điều hành kịp thời và toàn diện, qua đó đã góp phần đạt được những kết quả bước đầu đáng ghi nhận.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung nâng cao năng lực quản trị điều hành, tăng cường công tác quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động và nâng cao năng lực tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu của Công ty trong năm 2021 mà ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị Công ty giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Luôn theo dõi sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời chỉ đạo và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc;
- Thường xuyên trao đổi và họp cùng Ban Tổng Giám đốc để tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện nhằm tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh.

1. Hội đồng quản trị (HDQT):

a) Thành viên HDQT:

STT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên điều hành	Ghi chú
1	Bùi Minh Kết	Chủ tịch HDQT	0%			Bầu làm CT HDQT từ ngày 08/01/2020.
2	Phạm Hữu Gia	TV HDQT	7,004%			Bầu làm TV HDQT từ ngày 08/01/2020.
3	Nguyễn Đình Ngôn	TV HDQT	26,594%		x	Bầu làm TV HDQT từ ngày 20/10/2021.
4	Lê Thị Mai Loan	TV HDQT	0%			Bầu làm TV HDQT từ ngày 20/10/2021.
5	Nguyễn Văn An	TV HDQT	0%		x	Bầu làm TV HDQT từ ngày 08/01/2020.

b) Các tiểu ban thuộc HDQT:

c) Hoạt động của HDQT: HDQT họp định kỳ và đột xuất trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh & đưa ra các định hướng chiến lược phù hợp với từng giai đoạn của thị trường cho Ban Điều hành thực thi.

STT	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham gia	Lý do không tham dự
1	Bùi Minh Kết	Chủ tịch HDQT	35	100%	
2	Phạm Hữu Gia	Thành viên HDQT	35	100%	
3	Nguyễn Đình Ngôn	Thành viên HDQT	03	8,6%	Bỏ nhiệm ngày 20/10/2021.
4	Lê Thị Mai Loan	Thành viên HDQT	03	8,6%	Bỏ nhiệm ngày 20/10/2021.
5	Nguyễn Văn An	Thành viên HDQT	35	100%	

d) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Stt	Tên khóa học	Thời gian	Nơi đào tạo	Người tham gia	Chức vụ
1	Quản trị công ty	Từ 18/3/2021 đến 19/3/2021	Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán – UBCKNN	Ông: Nguyễn Văn An	- Tổng Giám đốc. - Thành viên HDQT.

2. Ban kiểm soát (BKS):

a) Thành viên và cơ cấu BKS:

STT	Họ tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Đinh Thị Vân	Trưởng Ban kiểm soát	0%	Bầu làm Trưởng ban KS từ ngày 08/01/2020.
2	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên BKS	0%	Bầu làm TV Ban kiểm soát từ ngày 09/02/2021.
3	Nguyễn Quỳnh Anh	Thành viên BKS	0%	Bầu làm TV Ban kiểm soát từ ngày 08/01/2020.

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát đã thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật được quy định tại Luật Doanh Nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2010, Luật Kế Toán 2015 và các văn bản pháp quy có liên quan; giám sát việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2021 của Công ty.

cụ thể là:

- Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát; Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021;
- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát nội dung, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy định về công tác quản trị doanh nghiệp;
- Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các Quy trình nghiệp vụ trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót, và kiến nghị các giải pháp khắc phục;
- Kiểm tra giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
- Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính quý I/2021 nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính;
- Đánh giá về việc duy trì điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty;
- Kiểm tra Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/6/2021 đã được kiểm toán;
- Chuẩn bị dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sửa đổi trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2021;
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà: Đinh Thị Vân	3	100%	100%	
2	Bà: Đinh Thị Nhài	1	30%	30%	Miễn nhiệm ngày 09/2/2021.
3	Bà: Nguyễn Quỳnh Anh	3	100%	100%	
4	Bà: Nguyễn Thị Thùy Dương	2	70%	70%	Bỏ nhiệm ngày 09/2/2021.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và BKS:

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và thành viên BKS trong năm 2021: 2.061.226.756 đồng. Chế độ được hưởng như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Không điều hành	Thành viên điều hành	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng Phúc Lợi	Hưởng thưởng thành tích
1	Bùi Minh Kết	Chủ tịch HĐQT	x			x		
2	Phạm Hữu Gia	TV HĐQT	x			x		
3	Nguyễn Đình Ngôn	TV HĐQT		x	x	x	x	x
4	Lê Thị Mai Loan	TV HĐQT	x			x		
5	Nguyễn Văn An	TV HĐQT		x	x	x	x	x
6	Nguyễn Văn An	Tổng giám đốc		x	x		x	x
7	Đinh Thị Vân	Trưởng BKS			x	x	x	x
8	Nguyễn Quỳnh Anh	Thành viên BKS	x			x		
9	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên BKS	x			x		

b) Các giao dịch, chi phí của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bùi Minh Kết	Người nội bộ	1.413.600	9,33%	0	0%	Chuyển nhượng.
	Nguyễn Thị Hồng Yến	Người có liên quan của ông Bùi Minh Kết	1.118.026	7,38%	0	0%	Chuyển nhượng.
2	Phạm Hữu Gia	Người nội bộ	1.440.000	9,51%	2.101.200	7,004%	- Mua cổ phần phát hành thêm theo tỷ lệ sở hữu. - Chuyển nhượng 1 phần.
3	Nguyễn Đình Ngôn	Người nội bộ	0	0%	7.978.084	26,594%	Nhận chuyển nhượng.
	CTCP Đầu tư NCCT	Người có liên quan của ông Nguyễn Đình Ngôn	0	0%	5.254.599	17,515%	Nhận chuyển nhượng.
4	Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	Người có liên quan của bà Lê Thị Mai Loan	0	0%	6.000.000	20,000%	Nhận chuyển nhượng.
5	Đinh Thị Nhài	Người nội bộ	1.129.575	7,46%	2.236.559	7,455%	Mua cổ phần phát hành thêm theo tỷ lệ sở hữu.
6	Nguyễn Quỳnh Anh	Người nội bộ	1.226.633	8,10%	0	0%	Chuyển nhượng.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSII, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số nghị quyết/quyết định thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi)	Người có liên quan của người nội bộ - bà Lê Thị Mai Loan thành viên HĐQT	0300482393 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp lần đầu ngày 25/05/2007	89 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	24/12/2021	35/2021/NQ-HĐQT ngày 24/12/2021 của HĐQT	- Hợp đồng dịch vụ tư vấn phát hành và đại lý phát hành giữa CASC và Tracodi liên quan đến gói Trái phiếu trị giá 500 tỷ đồng do Tracodi dự kiến phát hành. - Giá trị hợp đồng: Nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của CASC ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động riêng, tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính."

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Xem tài liệu đính kèm.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu VT.

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Văn An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ



MỤC LỤC

----- 000 -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	05 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG	08 - 09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10 - 12
6. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG	12
7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	13 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102116483 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/11/2021 và giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD ngày 21/12/2006, thay đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK ngày 27/10/2021.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy phép điều chỉnh. Các giấy phép đã được cấp bổ sung trong năm 2021 như sau:

- Giấy phép số 28/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng;
- Giấy phép số 40/GPĐC-UBCK ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Giấy phép số 07/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán;
- Giấy phép số 26/GPĐC-UBCK ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Văn An - Tổng Giám đốc
- Giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc thay đổi thông tin người đại diện Công ty

Vốn điều lệ theo giấy phép hoạt động: 300.000.000.000 VND

Vốn pháp định: 250.000.000.000 VND

Tên tiếng anh: Capital Securities Joint Stock Company

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Nghành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm 2021 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Bùi Minh Kết	Chủ tịch
Ông	Phạm Hữu Gia	Thành viên
Ông	Nguyễn Văn An	Thành viên
Ông	Nguyễn Đình Ngôn	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 20/10/2021
Bà	Lê Thị Mai Loan	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 20/10/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Bà	Đinh Thị Vân	Trưởng ban
Bà	Nguyễn Quỳnh Anh	Thành viên
Bà	Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 9 tháng 02 năm 2021
Bà	Đinh Thị Nhài	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 9 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Văn An	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2021
Ông	Nguyễn Như Tinh	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2021
Bà	Phan Thị Hoài Thu	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Nguyễn Văn An	Tổng Giám đốc
-----	---------------	---------------

3. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

4. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

5. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

Tp. Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn An
Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited
Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) Fax: (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn

Số: A0121006-R2/AISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô, được lập ngày 07 tháng 1 năm 2022, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động riêng, tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C và Báo cáo kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Tp. Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2022

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH TP. HỒ CHÍ MINH**

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



PHẠM XUÂN SƠN

Số Giấy CNDKHNKT: 1450-2019-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Số GCNDKHNKT: 4945-2019-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B01 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		340.620.992.129	118.139.680.317
I.	Tài sản tài chính (110 = 111 → 129)	110		340.344.299.968	117.818.663.480
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	166.498.410.237	108.036.002.003
1.1.	Tiền	111.1		166.498.410.237	2.036.002.003
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		-	106.000.000.000
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3.1	3.878.169.582	-
3.	Các khoản cho vay	114		514.050.000	-
4.	Các khoản phải thu	117	V.5	60.690.410.959	167.651
4.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.5.1	60.000.000.000	-
4.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.5.2	690.410.959	167.651
4.2.1	Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	167.651
4.2.2	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		690.410.959	-
5.	Trả trước cho người bán	118	V.6	108.762.512.608	330.098.826
6.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.7	746.582	9.452.395.000
II.	Tài sản ngắn hạn khác (130 = 131 → 139)	130		276.692.161	321.016.837
1.	Tạm ứng	131		41.000.000	200.000.000
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.8a	230.042.161	78.586.434
3.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	V.9a	5.650.000	6.650.000
4.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		-	35.780.403
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		6.620.398.766	6.207.519.056
I.	Tài sản cố định	220		4.786.812.149	4.915.480.875
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	3.801.401.715	4.587.308.655
	- Nguyên giá	222		6.772.579.237	6.772.579.237
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(2.971.177.522)	(2.185.270.582)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	985.410.434	328.172.220
	- Nguyên giá	228		1.208.120.000	343.120.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(222.709.566)	(14.947.780)
II.	Tài sản dài hạn khác	250		1.833.586.617	1.291.838.181
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.9b	404.618.200	134.068.200
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	V.8b	1.308.968.417	1.157.769.981
3.	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.12	120.000.000	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		347.241.390.895	124.346.999.373

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B01 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C.	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		33.873.925.121	12.099.891.985
I.	Nợ phải trả ngắn hạn	310		33.873.925.121	12.099.891.985
1.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	V.13	3.379.468.344	3.693.375.000
3.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	V.14	22.900.000.000	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.15	2.859.956.766	2.169.400.185
5.	Phải trả người lao động	323		954.528.000	801.535.000
6.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		139.073.300	49.921.800
7.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.16	136.113.216	472.460.000
8.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.17	907.425	-
9.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	330	V.18	3.503.878.070	4.913.200.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		313.367.465.774	112.247.107.388
I.	Vốn chủ sở hữu	410		313.367.465.774	112.247.107.388
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.19	306.785.002.897	151.473.340.000
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	151.473.340.000
a.	Cổ phiếu phổ thông	411.1a		300.000.000.000	151.473.340.000
1.2.	Thặng dư vốn cổ phần	411.2		6.785.002.897	-
2.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		6.582.462.877	(39.226.232.612)
2.1.	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		6.582.462.877	(39.226.232.612)
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		440		347.241.390.895	124.346.999.373

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B01 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG			Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A.	TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT					
1.	Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.21		6.053.584.052	6.053.584.052
2.	Cổ phiếu đang lưu hành	006			30.000.000	15.147.334
3.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.22		3.824.000.000	-
B.	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG					
1.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023			144.000.000	-
2.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư	024.b	V.23		3.598.176.000.000	-
3.	Tiền gửi của khách hàng	026			568.453.928	-
3.1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027			568.453.928	-
4.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031			568.453.928	-
4.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1			568.453.928	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Diệu Quyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thị Hoài Thu

Tp. Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn An

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận
Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B02 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01	VI.1	45.668.879.175	-
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1.1	32.649.931.310	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.1.2	13.018.947.865	-
1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.1.2	1.753.425	58.953.335
1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		8.266.748	-
1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.1.3	653.848.224	-
1.5 Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VI.1.3	147.628.750.000	28.580.000.000
1.6 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.7 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.1.3	13.475.503.127	350.000.000
1.8 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.1.3	-	31.326.000.000
1.9 Thu nhập hoạt động khác	11	VI.1.3	5.475.378.854	2.502.455.340
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01→11)	20		212.912.379.553	62.817.408.675
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		108.625.323.372	7.789.669.625
a. Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1	VI.1.1	108.520.397.638	7.789.669.625
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3		104.925.734	-
2.2 Chi phí hoạt động tự doanh	26	VI.3	258.726.003	-
2.3 Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.4	3.801.462.342	-
2.4 Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28	VI.5	80.879.299.822	20.519.882.930
2.5 Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	VI.6.1	80.004.000	-
2.6 Chi phí lưu ký chứng khoán	30		141.461	-
2.7 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.6.2	221.877.098	23.122.308.543
2.8 Chi phí các dịch vụ khác	32	VI.7	1.023.908.287	1.262.930.256
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21→32)	40		194.890.742.385	52.694.791.354
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		82.460.514	11.145.685
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41→44)	50	VI.2	82.460.514	11.145.685
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			-	-
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	10.070.000
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.8	9.291.403.534	6.146.864.479
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)	70		8.812.694.148	3.976.828.527
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71	VI.9	1.378.770.930	231.451.605
8.2 Chi phí khác	72	VI.10	50.556.234	36.248
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		1.328.214.696	231.415.357

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận
Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B02 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		10.140.908.844	4.208.243.884
9.1 Lợi nhuận đã thực hiện	91		10.140.908.844	4.208.243.884
9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		2.105.208.458	615.589.316
10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.11	2.105.208.458	615.589.316
10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		8.035.700.386	3.592.654.568
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.12	323	293
13.2 Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	VI.12	323	293

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Diệu Quyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thị Hoài Thu



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B03b - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		10.140.908.844	4.208.243.884
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(498.113.718)	45.894.571
- Khấu hao TSCĐ	03	V.10,11	993.668.726	80.440.025
- Các khoản dự phòng	04		(1.409.321.930)	(30.000.000)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(82.460.514)	(4.545.454)
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	-
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(143.482.505.406)	28.022.676.008
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(3.878.169.582)	-
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn HTM	32		-	6.450.000.000
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(514.050.000)	-
- Tăng (giảm) các tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS	34		-	8.452.351.625
(-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		(37.100.000.000)	12.679.869.029
(+) Tăng, (-) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		(690.243.308)	180.425.773
(+) Tăng, (-) giảm các phải thu các dịch CTCK cung cấp	37		9.451.648.418	(9.452.395.000)
(+) Tăng, (-) giảm các phải thu về lỗi giao dịch các TSTC	38		-	-
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		(110.550.000)	(170.275.171)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(84.219.597)	(66.376.526)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(336.346.784)	5.362.221.535
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(302.654.163)	(1.214.023.080)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		(1.162.864.844)	(369.949.673)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(108.746.320.438)	3.693.375.000
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		89.151.500	49.921.800
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN phải nộp)	47		(251.787.033)	1.852.901.696
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		152.993.000	801.535.000
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		907.425	(226.906.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(133.839.710.280)	32.276.814.463

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B03b - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(865.000.000)	(5.295.920.900)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	4.545.454
3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	63		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác	64		82.460.514	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>70</i>		<i>(782.539.486)</i>	<i>(5.291.375.446)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		193.084.658.000	75.736.670.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>80</i>		<i>193.084.658.000</i>	<i>75.736.670.000</i>
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	90		58.462.408.234	102.722.109.017
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	V.1	108.036.002.003	5.313.892.986
- Tiền	101.1		2.036.002.003	3.313.892.986
- Các khoản tương đương tiền	102.2		106.000.000.000	2.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	103	V.1	166.498.410.237	108.036.002.003
- Tiền	103.1		166.498.410.237	2.036.002.003
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	106.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành,
quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B03b - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		24.613.417.548	-
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(24.044.822.102)	-
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		18.850.932.500	-
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(18.850.932.500)	-
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(141.518)	-
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		2.933.023.850.000	-
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(2.933.023.850.000)	-
<i>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</i>	<i>20</i>		<i>568.453.928</i>	<i>-</i>
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		568.453.928	-
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		568.453.298	-
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý			568.453.298	-
Trong đó có kỳ hạn	42		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Diệu Quyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Thị Hoài Thu



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn An

Tp. Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÓ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B04 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

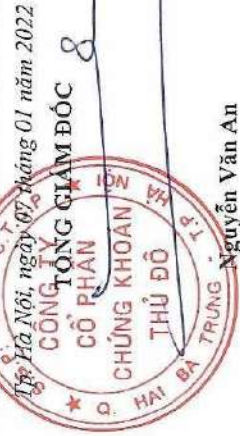
Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		01/01/2020	01/01/2021	Năm 2020		Năm 2021		31/12/2020	31/12/2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		75.736.670.000	151.473.340.000	75.736.670.000				151.473.340.000	306.785.002.897
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		75.736.670.000	151.473.340.000	75.736.670.000				151.473.340.000	300.000.000.000
1.2. Cổ phiếu ưu đãi		-	-	-				-	-
1.3. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-				-	-
1.4. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-	-				-	-
1.5. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-				-	-
2. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-				-	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-	-				-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	-	-				-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	-	-				-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-				-	-
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-				-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(42.818.887.180)	(39.226.232.612)	3.592.654.568				(39.226.232.612)	6.582.462.877
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(42.818.887.180)	(39.226.232.612)	3.592.654.568				(39.226.232.612)	6.582.462.877
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		-	-	-				-	-
Cộng		32.917.782.820	112.247.107.388	79.329.324.568		238.893.353.489	37.772.995.103	112.247.107.388	313.367.465.774

NGƯỜI LẬP BIỂU

Bùi Diệu Quyên

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Phan Thị Hoài Thu



Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102116483 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 12/11/2021 và giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD ngày 21/12/2006, thay đổi gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 95/GPĐC-UBCK ngày 27/10/2021.

Tên tiếng anh: Capital Securities Joint Stock Company

Tên viết tắt: CASC

Trụ sở chính: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điều lệ hoạt động Công ty ban hành ngày 21/12/2006 và bản thay thế gần nhất ngày 20/10/2021.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

3. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

4. Quy mô vốn Công ty: 300.000.000.000 VND

5. Hạn chế đầu tư

Công ty thực hiện theo điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020, cụ thể:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tư doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

- (i) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

- (ii) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

- (iii) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại mục (i), (ii) và (iii) nêu trên. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
- Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không có

8. Tổng số nhân viên tại 31/12/2021: 48 người (tại ngày 31/12/2020: 22 người).

9. Cấu trúc công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên kết hay đơn vị hạch toán phụ thuộc

10. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 334") ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu riêng và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và không được chủ định trình bày theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi hoạt động, các khoản tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và các khoản tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán được trình bày riêng biệt tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán Tài sản tài chính (TSTC) ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, TSTC sẵn sàng để bán, các khoản cho vay, nợ phải thu.

3.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại và đánh giá tài sản tài chính.

3.1.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại tài sản tài chính.

Công ty chỉ ghi nhận các tài sản tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty được phân loại thành các nhóm sau đây dựa trên bản chất và mục đích sở hữu tại ngày thu tóm, gồm: "Tài sản tài chính thông qua lãi và lỗ (FVTPL)", "khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn (HTM)", "cho vay và phải thu" và "Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)".

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): Tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính với kỳ vọng sinh lời.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua (là giá mua thực tế hoặc giá khớp lệnh, không bao gồm các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL, như: phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

TSTC được phân loại ra khỏi FVTPL trong trường hợp: TSTC là nợ cho vay hoặc khoản phải thu nếu xác định mục đích sẽ là nắm giữ trong khoảng thời gian xác định trong tương lai hoặc đến khi đáo hạn hoặc TSTC là tiền gửi được phân loại sang nhóm tiền và tương đương tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.1.1 Nguyên tắc ghi nhận, phân loại tài sản tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL phải được ghi nhận theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

b) TSTC nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): HTM là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ đáo hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp vào loại sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ thì các tài sản tài chính HTM phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải xác định lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

c) TSTC sẵn sàng để bán (AFS): AFS thuộc danh mục TSTC của CTCK là các TSTC phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là (a) Các khoản cho vay và phải thu, (b) Các khoản đầu tư TSTC được phép phân loại sang các nhóm: FVTPL, HTM.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động mà giá trị của nó không thể xác định một cách đáng tin cậy được phản ánh theo giá gốc.

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của tài sản tài chính AFS do đánh giá lại, được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

d) Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các khoản cho vay của Công ty bao gồm:

- Cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

3.1.2 Đánh giá tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại giá trị tài sản tài chính theo các nguyên tắc sau:

Việc đánh giá lại các TSTC FVTPL và AFS theo giá thị trường và giá hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với qui định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.1.2 Đánh giá tài sản tài chính (tiếp theo)

Đối với cổ phiếu của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.

Đối với cổ phiếu niêm yết bị hủy, đình chỉ hoặc ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá cổ phiếu thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Công ty không đánh giá lại đối với cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) nếu không có báo giá của ba (03) công ty chứng khoán hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày cuối kỳ kế toán

Đối với trái phiếu niêm yết giá đánh giá lại là giá niêm yết trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất.

Đối với trái phiếu chưa niêm yết, công cụ thị trường tiền tệ việc đánh giá lại các tài sản tài chính này theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các TSTC. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Đối với tiền gửi có kỳ hạn cố định: trong trường hợp có khả năng bị tổn thất không thể thu hồi và mức độ rủi ro thì được đánh giá lại theo giá trị có thể thu hồi được (đã tính tới các khoản bảo hiểm tiền gửi có thể được nhận theo quy định của pháp luật về ngân hàng).

Đối với khoản đầu tư cho vay: Công ty nhận tài sản nhận thế chấp cho các khoản cho vay bằng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS hoặc cho vay bằng tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán. Cuối kỳ kế toán, Công ty thực hiện đánh giá lại tài sản thế chấp theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (đối với trường hợp không có giá thị trường) để yêu cầu Bên đi vay bổ sung tài sản thế chấp hoặc trích lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp. Dự phòng cho các khoản cho vay được tính bằng chênh lệch giữa giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của các tài sản nhận thế chấp và giá trị khoản cho vay tại thời điểm báo cáo.

Đối với các TSTC FVTPL chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo hai chỉ tiêu:

- Chênh lệch tăng do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

- Chênh lệch giảm do đánh giá lại FVTPL được phản ánh vào chỉ tiêu chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ."

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Cuối kỳ kế toán, Công ty đánh giá tình hình suy giảm giá trị các loại tài sản tài chính sau: Tài sản tài chính HTM, tài sản tài chính AFS và các khoản cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (tiếp theo)

Nếu phát sinh giá trị suy giảm thì phải lập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính. Nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm đã xác định trước đó, thì sẽ hoàn nhập khoản dự phòng đã lập.

Đối với tài sản tài chính HTM: Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Công ty phải ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động - Phần lãi/lỗ.

Đối với các tài sản tài chính AFS: Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị hợp lý của một hoặc một nhóm các tài sản tài chính AFS hay không. Nếu có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các nhóm tài sản tài chính này thì Công ty phải xác định giá trị hợp lý của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị và ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Đối với tài sản nhận thế chấp cho các khoản cho vay được tự do mua, bán trên thị trường chứng khoán, tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty xem xét có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy giá trị tài sản thuần có thể thực hiện được tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý bị giảm thấp hơn giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán thì Công ty thực hiện lập dự phòng giảm giá chi tiết theo từng loại tài sản nhận thế chấp dựa theo mức chênh lệch giảm giữa giá trị tài sản thế chấp và giá trị khoản cho vay.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Máy móc, thiết bị

3 - 8 năm

Phần mềm máy vi tính

2 - 5 năm

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu bán các tài sản tài chính

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở giao dịch chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này được theo dõi qua chỉ tiêu " Phải thu bán các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Toàn bộ giá trị khoản phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty qua các Sở giao dịch chứng khoán sử dụng tài khoản 321- Bù trừ và thanh toán giao dịch các tài sản tài chính và không được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính

Tất cả các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong kỳ đều được theo dõi tại chỉ tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính riêng.

Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được phản ánh vào "Chi phí quản lý" trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm các khoản vay, khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, khoản phải trả người bán, thuê và các khoản phải nộp Nhà nước, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty, đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và các quy định khác có liên quan.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

10.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

a. Thu nhập từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM

Thu nhập từ bán các tài sản tài chính FVTPL được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán đã bán ra hoặc chênh lệch tăng do đánh giá lại vào cuối kỳ theo giá trị hợp lý, phù hợp với các quy định của chuẩn mực kế toán các công cụ tài chính và quy định của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10.1 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính (tiếp theo)

Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán, ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Công ty được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành. Cổ phiếu thưởng chỉ ghi tăng số lượng mà không ghi tăng doanh thu.

10.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán: Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí và hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận với tổ chức phát hành khi dịch vụ đã được thực hiện và có biên bản quyết toán với tổ chức phát hành chứng khoán. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán là mức phí được hưởng từ nghiệp vụ tư vấn đầu tư đã thực hiện trong kỳ.

Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán là khoản phí thu được của khách hàng về cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán.

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi cho các khách hàng.

11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi không kỳ hạn, phân bổ chênh lệch hoạt động repo trái phiếu chính phủ và lãi tỷ giá hối đoái.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí lãi vay, phân bổ chênh lệch hoạt động repo trái phiếu chính phủ và lỗ tỷ giá hối đoái.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động pha loãng đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

14. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền	166.498.410.237	2.036.002.003
Tiền mặt	135.066.700	449.796
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	166.363.343.537	2.035.552.207
Các khoản tương đương tiền	0	106.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	0	106.000.000.000
Cộng	166.498.410.237	108.036.002.003

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Năm nay	
	Khối lượng giao dịch trong năm	Giá trị giao dịch trong năm
Của Công ty chứng khoán	358.004.339	37.674.147.209.008
- Trái phiếu	358.004.339	37.674.147.209.008
Cộng	358.004.339	37.674.147.209.008

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Các loại tài sản tài chính

Chỉ tiêu	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
3.1 Tài sản FVTPL				
+ Trái phiếu chưa niêm yết	3.878.169.582	3.878.169.582	-	-
Cộng	3.878.169.582	3.878.169.582	-	-
3.2 Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay Margin	-	-	-	-
+ Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	514.050.000	514.050.000	-	-
Cộng	514.050.000	514.050.000	-	-

4. Bảng tình hình biến động giá trị thị trường (xem trang 39).**5. Các khoản phải thu**

31/12/2021

01/01/2021

5.1 Phải thu bán các tài sản tài chính**Ngắn hạn**

60.000.000.000

-

Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Vital Investments Group (*)

60.000.000.000

-

Cộng

60.000.000.000

-

(*) Hợp đồng hợp tác số 01/09112021/HTKD/CASC-VIG ngày 09/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô và Công ty Cổ phần Vital Investments Group, số tiền hợp tác theo hợp đồng là 100 tỷ đồng, lợi tức hợp tác theo thỏa thuận và không thấp hơn 8%/năm, thời hạn hợp tác không quá 3 tháng (có thể gia hạn nếu có thỏa thuận) và không có tài sản đảm bảo.

5.2 Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính**Ngắn hạn**

690.410.959

167.651

Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận

-

167.651

Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận

690.410.959

-

Cộng

690.410.959

167.651

6. Trả trước cho người bán

31/12/2021

01/01/2021

Ngắn hạn

Trả trước tiền mua trái phiếu

104.000.000.000

-

- Lê Thị Châu Báu

52.400.000.000

-

- Trần Thị Thanh Nga

51.600.000.000

-

Công ty TNHH Nội thất Tân Khang

2.475.432.608

-

Công ty TNHH Giải pháp phần mềm tài chính công nghệ DTND

1.200.000.000

300.000.000

Các đối tượng khác

1.087.080.000

30.098.826

Cộng

108.762.512.608

330.098.826

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

Trang 25

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	9.142.000.000
<i>Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land</i>	-	9.142.000.000
Phải thu phí dịch vụ khác	746.582	310.395.000
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong</i>		310.395.000
<i>Phải thu phí dịch vụ khác</i>	746.582	-
Cộng	746.582	9.452.395.000
8. Chi phí trả trước	31/12/2021	01/01/2021
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	230.042.161	78.586.434
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	18.509.925	4.134.179
Chi phí thuê văn phòng	76.667.873	49.158.341
Dịch vụ phần mềm	134.864.363	-
Chi phí khác	-	25.293.914
b. Chi phí trả trước dài hạn	1.308.968.417	1.157.769.981
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	764.735.093	630.128.217
Chi phí sửa chữa, lắp đặt nội thất	476.637.276	426.116.432
Chi phí chờ phân bổ khác	67.596.048	101.525.332
Cộng	1.539.010.578	1.236.356.415
9. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	31/12/2021	01/01/2021
a. Ngắn hạn	5.650.000	6.650.000
Công ty TNHH Viet Healthy	-	1.000.000
Các đối tượng khác	5.650.000	5.650.000
b. Dài hạn	404.618.200	134.068.200
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Bình	134.068.200	134.068.200
Công ty cổ phần đầu tư và dịch vụ Helios	270.000.000	-
Công ty TNHH dịch vụ thương mại Hà Nội	550.000	-
Cộng	410.268.200	140.718.200
10. Tài sản cố định hữu hình		
Khoản mục	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	6.772.579.237	6.772.579.237
Số dư cuối năm	6.772.579.237	6.772.579.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.185.270.582	2.185.270.582
<i>Khấu hao trong năm</i>	785.906.940	785.906.940
Số dư cuối năm	2.971.177.522	2.971.177.522
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	4.587.308.655	4.587.308.655
Số dư cuối năm	3.801.401.715	3.801.401.715

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

Trang 26

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

- * Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.119.778.337 VND
- * Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 728.109.106 VND
- * Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.
- * Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

11. Tài sản cố định vô hình

	Website	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	343.120.000	343.120.000
Mua trong năm	30.000.000	835.000.000	865.000.000
Số dư cuối năm	30.000.000	1.178.120.000	1.208.120.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	14.947.780	14.947.780
Khấu hao trong năm	6.666.664	201.095.122	207.761.786
Số dư cuối năm	6.666.664	216.042.902	222.709.566
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	328.172.220	328.172.220
Số dư cuối năm	23.333.336	962.077.098	985.410.434

- * Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

12. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	-
Cộng	120.000.000	-

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2021	01/01/2021
Phí môi giới cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	-	3.693.375.000
Phí môi giới cho công tác viên khác	3.379.468.344	-
Cộng	3.379.468.344	3.693.375.000

14. Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn	22.900.000.000	-
Chu Diệu Ngọc	15.000.000.000	-
Nguyễn Thu Hà	3.000.000.000	-
Hoàng Thị Thúy Nhung	2.800.000.000	-
Các khách hàng khác	2.100.000.000	-
Cộng	22.900.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
Thuế GTGT đầu ra	-	59.342.990	58.645.781	697.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	298.032.943	2.105.208.458	1.162.864.844	1.240.376.557
Thuế thu nhập cá nhân	1.871.367.242	21.996.809.573	22.249.293.815	1.618.883.000
Thuế, phí khác	-	96.600.000	96.600.000	-
Cộng	2.169.400.185	24.257.961.021	23.567.404.440	2.859.956.766

16. Chi phí phải trả

Ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí hoa hồng đại lý phát hành trái phiếu	136.113.216	472.460.000
Chi phí lương phải trả	-	-
Các chi phí phải trả khác	-	415.000.000
Cộng	136.113.216	57.460.000

17. Phải trả phải nộp khác

Ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Các khoản phải trả, phải nộp khác	907.425	-
Cộng	907.425	-

18. Dự phòng phải trả

a. Ngắn hạn	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng chi phí môi giới chứng khoán thứ cấp	3.503.878.070	4.913.200.000
Cộng	3.503.878.070	4.913.200.000

19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	75.736.670.000	-	(42.818.887.180)	32.917.782.820
- Tăng vốn	75.736.670.000	-	-	75.736.670.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	3.592.654.568	3.592.654.568
Số dư tại 31/12/2020	151.473.340.000	0	(39.226.232.612)	112.247.107.388
Số dư tại 01/01/2021	151.473.340.000	0	(39.226.232.612)	112.247.107.388
- Tăng vốn (*)	148.526.660.000	44.557.998.000	-	193.084.658.000
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	8.035.700.386	8.035.700.386
- Biến động khác (**)	-	(37.772.995.103)	37.772.995.103	0
Số dư tại 31/12/2021	300.000.000.000	6.785.002.897	6.582.462.877	313.367.465.774

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 14.852.666 cổ phiếu phổ thông, với giá phát hành 13.000 VND/1 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:98 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần phổ thông sẽ được hưởng 1 quyền mua, cổ đông sở hữu 100 quyền mua sẽ được mua 98 cổ phần theo nguyên tắc làm tròn xuống hàng đơn vị) để nâng cao nguồn lực tài chính, bổ sung nguồn vốn lưu động để phục vụ hoạt động kinh doanh, đảm bảo nguồn vốn để triển khai các nghiệp vụ đề nghị cấp phép và các dịch vụ mà công ty triển khai theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021. Đến ngày 06 tháng 5 năm 2021, các cổ đông đã hoàn thành việc nộp tiền mua cổ phiếu theo hình thức chuyển khoản. Ngày 21 tháng 5 năm 2021, Công ty đã nhận được giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 300.000.000.000 đồng.

(**) Biến động khác: Công ty sử dụng thặng dư vốn cổ phần để xử lý lỗ lũy kế đến thời điểm 30/6/2021, số tiền 37.772.995.103 đồng theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/10/2021.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2021	01/01/2021
Nguyễn Đình Ngôn	26,59%	79.780.840.000	-
Công ty Cổ phần Bamboo Financial Corp	20,00%	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư NCCT	17,51%	52.545.990.000	-
Giáp Thị Phương	12,50%	37.487.580.000	-
Các cổ đông khác	23,40%	70.185.590.000	151.473.340.000
Cộng	100,00%	300.000.000.000	151.473.340.000

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp của chủ sở hữu	300.000.000.000	151.473.340.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	151.473.340.000	75.736.670.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	148.526.660.000	75.736.670.000
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	300.000.000.000	151.473.340.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

c. Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	15.147.334
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	15.147.334
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	15.147.334
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.000.000	15.147.334
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm nay	Năm trước
1. Lợi nhuận sau thuế đầu năm	(39.226.232.612)	(42.818.887.180)
2. Lãi (lỗ) phát sinh trong năm	8.035.700.386	3.592.654.568
3. Phân phối lợi nhuận trong năm	37.772.995.103	-
<i>Bù đắp lỗ lũy kế bằng thặng dư vốn cổ phần</i>	37.772.995.103	-
4. Lợi nhuận còn lại cuối năm	6.582.462.877	(39.226.232.612)

21. Nợ khó đòi đã xử lý

Các khoản nợ khó đòi không thu hồi được, đã xử lý xóa sổ bao gồm:

	31/12/2021	01/01/2021
Ông Đặng Viết Dũng	2.247.470.298	2.247.470.298
Ông Nguyễn Tùng Lâm	54.998.729	54.998.729
Ông Phạm Duy Khánh	434.443.808	434.443.808
Bà Trần Thúy An	70.702.620	70.702.620
Bà Phạm Thị Kim Thu	187.173.391	187.173.391
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	377.581.851	377.581.851
Ông Phạm Bảo Dương	174.019.323	174.019.323
Ông Nguyễn Văn Tuấn	1.078.726.663	1.078.726.663
Ông Hoàng Việt Hùng	126.814.425	126.814.425
Ông Bùi Minh Sơn	118.765.247	118.765.247
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	203.290.083	203.290.083
Ông Lý Hữu Khải	751.130.313	751.130.313
Ông Đoàn Phạm Hồng Trung	8.984.409	8.984.409
Ông Lý Hữu Khải	61.500.000	61.500.000
Ông Phạm Minh Quang	30.740.334	30.740.334
Các đối tượng khác	127.242.558	127.242.558
Cộng	6.053.584.052	6.053.584.052

22. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	31/12/2021	01/01/2021
Trái phiếu	3.824.000.000	-
Cộng	3.824.000.000	-

23. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư

	31/12/2021	01/01/2021
Trái phiếu	3.598.176.000.000	-
Cộng	3.598.176.000.000	-

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**1. Thu nhập****1.1 Lãi lỗ bán các tài sản tài chính (xem trang 40)****1.2 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM và các khoản cho vay**

Cổ tức và tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL

Tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL

Từ tài sản tài chính HTM

Cộng

Năm nay	Năm trước
13.018.947.865	-
13.018.947.865	-
1.753.425	58.953.335
13.028.968.038	58.953.335

1.3 Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

Doanh thu hoa hồng môi giới

Doanh thu hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu

Doanh thu khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
653.848.224	1.961.850.000
147.628.750.000	28.580.000.000
-	-
13.475.503.127	350.000.000
-	31.326.000.000
5.475.378.854	540.605.340
167.233.480.205	62.758.455.340

2. Doanh thu hoạt động tài chính

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Lãi tiền gửi không kỳ hạn

Phân bổ chênh lệch hoạt động repo trái phiếu Chính phủ

Cộng

Năm nay	Năm trước
-	-
82.460.514	11.145.685
-	-
82.460.514	11.145.685

3. Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí quản lý hoạt động tự doanh

Cộng

Năm nay	Năm trước
258.726.003	-
258.726.003	-

4. Chi phí môi giới chứng khoán

Chi phí quản lý hoạt động môi giới

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.042.106.926	-
1.056.239.494	-
703.115.922	-
3.801.462.342	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý hoạt động đại lý phát hành chứng khoán		2.155.058.938	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài (phí hoa hồng môi giới, phí chuyển kho)		74.923.730.018	20.519.882.930
Các chi phí khác		3.800.510.866	0
Cộng		80.879.299.822	20.519.882.930
		Năm nay	Năm trước
6.1 Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán		80.004.000	-
Chi phí quản lý hoạt động tư vấn		80.004.000	-
6.2 Hoạt động tư vấn tài chính		221.877.098	23.122.308.543
Chi phí quản lý hoạt động tư vấn		188.701.286	23.122.308.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài		489.000	-
Chi phí khác		32.686.812	-
Cộng		301.881.098	23.122.308.543
7. Chi phí hoạt động khác		Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động khác		1.023.908.287	1.262.930.256
Cộng		1.023.908.287	1.262.930.256
8. Chi phí quản lý		Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý		6.148.443.544	4.618.476.328
Chi phí vật tư văn phòng		101.702.928	34.439.201
Chi phí công cụ, dụng cụ		520.205.500	234.908.392
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT		248.309.320	80.440.025
Chi phí thuế, phí và lệ phí		96.300.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài		2.170.056.273	1.170.790.724
Chi phí khác		6.385.969	3.809.809
Cộng		9.291.403.534	6.146.864.479
9. Thu nhập khác		Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản		-	4.545.454
Thu từ phí phạt do đối tác không thực hiện hợp đồng		1.378.767.123	-
Công nợ phải trả lâu ngày		-	226.906.000
Thu nhập khác		3.807	151
Cộng		1.378.770.930	231.451.605
10. Chi phí khác		Năm nay	Năm trước
Chi phí ủng hộ phòng chống dịch Covid		50.000.000	-
Chi phí khác		556.234	36.248
Cộng		50.556.234	36.248

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

Trang 32

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
LN trước thuế	10.140.908.844	4.208.243.884
Các khoản điều chỉnh tăng	385.133.446	187.986.248
Lương HĐQT không tham gia điều hành	381.691.244	187.986.248
Chi phí không được trừ khác	3.442.202	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cổ tức được chia	-	-
Lợi nhuận tính thuế	10.526.042.290	4.396.230.132
- Chi phí thuế thu nhập theo thuế suất phổ thông	2.105.208.458	879.246.026
- Thuế TNDN được miễn giảm	-	(263.773.808)
- Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	-	117.098
- Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.105.208.458	615.589.316

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.035.700.386	3.592.654.568
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức cổ phần ưu đãi)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.035.700.386	3.592.654.568
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.913.471	12.242.366
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	323	293

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.147.334	7.573.667
Ảnh hưởng của 14.852.666 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 06/5/2021	9.766.137	-
Ảnh hưởng của 7.573.667 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 21/5/2020	-	4.668.699
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	24.913.471	12.242.366

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro chính từ các công cụ tài chính, bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghị quyết quản lý rủi ro là nghị quyết không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty có hệ thống kiểm soát mức cân đối có thể chấp nhận được giữa chi phí rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc theo dõi liên tục quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo mức cân đối phù hợp giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13.1 *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền gửi và các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Kỳ này		
VND	+100	1.664.984.102
	-100	(1.664.984.102)
Kỳ trước		
VND	+200	2.160.720.040
	-200	(2.160.720.040)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Đầu tư chứng khoán nợ

Rủi ro tín dụng liên quan đến đầu tư chứng khoán nợ dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty về đầu tư chứng khoán. Tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính, Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các chứng khoán nợ trên cơ sở thông tin về tình hình thị trường và khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán và bộ phận Nguồn vốn theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các thành phần trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.2. Công ty đánh giá rủi ro tập trung về tín dụng liên quan đến tiền gửi ngân hàng ở mức thấp.

13.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Mẫu số B09 - CTCK

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Ngày 31/12/2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	-	-	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.379.468.344			3.379.468.344
Chi phí phải trả	136.113.216	-	-	136.113.216
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	907.425	-	-	907.425
Cộng	3.516.488.985	-	-	3.516.488.985

Ngày 31/12/2020	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.693.375.000			3.693.375.000
Chi phí phải trả	57.460.000	-	-	57.460.000
Cộng	3.750.835.000	-	-	3.750.835.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng trả tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của Bên thứ ba tại ngày 31/12/2021 và 31/12/2020.

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (xem trang 41)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao được xác định dựa trên báo giá hoặc giá trị tài sản ròng/giá trị sổ sách của đơn vị phát hành hoặc được xác định dựa trên đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi của chứng khoán đầu tư. Trường hợp không có đủ nguồn thông tin đáng tin cậy để xác định thì giá trị hợp lý của các công cụ chưa niêm yết được phản ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán.**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

Chi tiết các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

2.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Số tiền
Bùi Minh Kết	Thành viên HĐQT,	Góp vốn	18.009.264.000
Phạm Hữu Gia	Cổ đông	Góp vốn	18.345.600.000
Nguyễn Quỳnh Anh	Thành viên Ban	Góp vốn	15.627.300.000
Đinh Thị Nhài	kiểm soát, Cổ đông	Góp vốn	14.390.792.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
2.061.226.765	1.536.940.000
2.061.226.765	1.536.940.000

2.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phát sinh (ứng trước)	Số dư
Công ty CP Nội thất Nhà Tân Khang	Giám đốc là Thành viên BKS Công ty - Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Chi phí thi công nội thất và làm biển Công ty	2.477.632.608	2.475.432.608
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios	Chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT của Công ty - Bà Lê Thị Mai Loan	Đặt cọc tiền thuê Văn phòng	840.124.564	270.000.000

Tại 31/12/2021, Công ty không còn số dư với các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Một số chỉ tiêu so sánh được phân loại và trình bày lại cho phù hợp với Chế độ kế toán hiện hành

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Số trình bày lại Tại ngày 01/01/2021	Số đã trình bày Tại ngày 31/12/2020	Chênh lệch
NGUỒN VỐN				
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	472.460.000	5.385.660.000	(4.913.200.000)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	330	4.913.200.000	0	4.913.200.000
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG				
Cổ phiếu đang lưu hành	006	15.147.334	0	15.147.334

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Số trình bày lại Năm trước	Số đã trình bày Năm nay	Chênh lệch
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	350.000.000	0	350.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11	2.502.455.340	2.852.455.340	(350.000.000)

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.**NGƯỜI LẬP BIỂU****Bùi Diệu Quyền****KẾ TOÁN TRƯỞNG****Phan Thị Hoài Thu**

Tp. Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2022

**TỔNG GIÁM ĐỐC****Nguyễn Văn An**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỒ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.4. Bảng hình ảnh biến động giá trị thị trường

STT	Chi tiêu	31/12/2021					01/01/2021				
		Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
A	B	1	2	3=(2-1)	4=(1-2)	5=(1+3-4)	6	7	8=(7-6)	9=(6-7)	10=(6+8-9)
I	Tài sản FVTPL	3.878.169.582	3.878.169.582	-	-	3.878.169.582	-	-	-	-	-
1	+ Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	+ Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	+ Trái phiếu chưa niêm yết	3.878.169.582	3.878.169.582	-	-	3.878.169.582	-	-	-	-	-
4	+ Cổ phiếu hủy niêm yết, ngừng giao dịch	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	+ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II	Tài sản AFS										
II	Tài sản HTM	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 12 tháng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu	514.050.000	514.050.000	-	-	514.050.000	-	-	-	-	-
	Cho vay Margin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	514.050.000	514.050.000	-	-	514.050.000	-	-	-	-	-
	Cộng	4.392.219.582	4.392.219.582	-	-	4.392.219.582	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTCK

(Ban hành theo TT số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

VI.1.1. Thu nhập

1.1a. Bảng tổng hợp lãi lỗ bán các tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
A	B	1	2	3=1*2	4	5=3-4	6
1	Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	-	-
3	Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
4	Trái phiếu chưa niêm yết	178.990.335	105.018	18.797.199.286.549	18.873.069.752.877	(75.870.466.328)	-
5	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-	-	-	-	-
	Cộng (*)	178.990.335		18.797.199.286.549	18.873.069.752.877	(75.870.466.328)	-

Lãi lỗ bán các tài sản tài chính ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động riêng

	Năm nay	Năm trước
Lãi bán các tài sản tài chính	32.649.931.310	-
Lỗ bán các tài sản tài chính	(108.520.397.638)	(7.789.669.625)
Cộng	(75.870.466.328)	(7.789.669.625)

(*) Lãi lỗ đã thực hiện từ hoạt động tự doanh các tài sản tài chính bao gồm hai phần chính là:

- + Cổ tức, tiền lãi (bao gồm: cổ tức, trái tức và lãi chứng chỉ tiền gửi từ việc nắm giữ các tài sản này) và;
- + Chênh lệch giá mua bán các tài sản tài chính.

Lỗ thuần về bán các tài sản tài chính trong năm 2021 là: 75.870.466.328 VND chưa bao gồm các khoản cổ tức, tiền lãi phát sinh trong năm từ việc nắm giữ các tài sản này. Trong năm, nếu cộng hợp lãi lỗ từ hoạt động tự doanh các tài sản tài chính (gồm cổ tức, tiền lãi và chênh lệch giá mua bán) thì kết quả kinh doanh từ hoạt động tự doanh này là: (62.851.518.463) VND = (75.870.466.328) VND + 13.018.947.865 VND (thuyết minh số VI.1.2).

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỨ ĐÓ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTCK

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	Dự phòng	Giá trị	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính thông qua Báo cáo KQHĐ	3.878.169.582	-	-	-	3.878.169.582	-
- Phải thu khách hàng	60.690.410.959	-	167.651	-	60.690.410.959	167.651
- Phải thu về cho vay	514.050.000	-	-	-	514.050.000	-
- Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	746.582	-	9.452.395.000	-	746.582	9.452.395.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	166.498.410.237	-	108.036.002.003	-	166.498.410.237	108.036.002.003
TỔNG CỘNG	231.581.787.360	-	117.488.564.654	-	231.581.787.360	117.488.564.654
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.379.468.344	-	3.693.375.000	-	3.379.468.344	3.693.375.000
- Chi phí phải trả	136.113.216	-	57.460.000	-	136.113.216	57.460.000
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	907.425	-	-	-	907.425	-
TỔNG CỘNG	3.516.488.985	-	3.750.835.000	-	3.516.488.985	3.750.835.000

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này